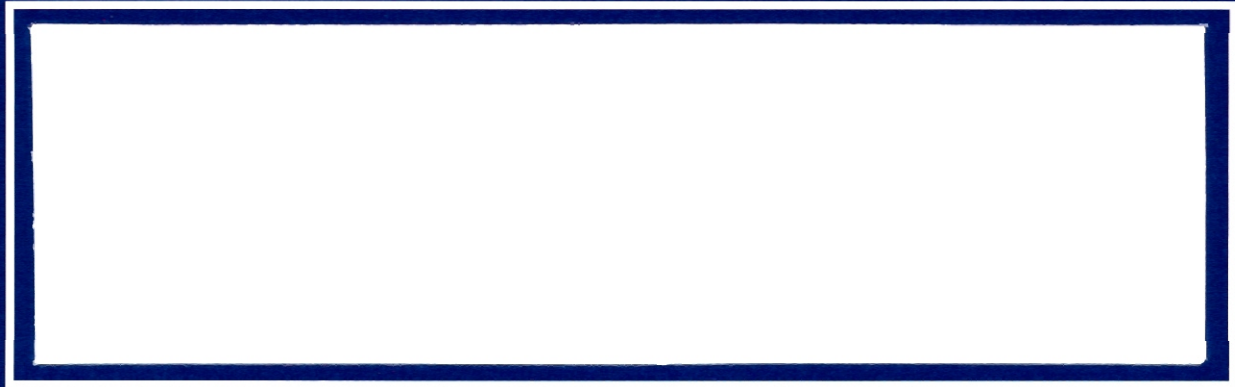




CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15 Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietaam.com.vn Website: www.ifcvietaam.com.vn



TÔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2017
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

4'



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 44

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 02, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Duy Hùng	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên
3. Ông Lê Anh Dũng	Ủy viên
4. Ông Nguyễn Tất Thắng	Ủy viên
5. Ông Nguyễn Tiến Thanh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30/03/2017)
6. Bà Lại Thị Minh Hiền	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30/03/2017)

Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 30/03/2017)
2. Ông Nguyễn Mạnh Hoàng	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 30/03/2017)
3. Ông Nguyễn Hải Thịnh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/03/2017)
4. Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30/03/2017)
5. Bà Đinh Thị Hao	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.


TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 02, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

A handwritten signature in blue ink is written over a red circular stamp. The stamp contains the text: "TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN" and "HÀ NỘI". The signature is written in a cursive style.

Nguyễn Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 40.08/2017/BCSX- IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ Phần

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần, được lập ngày 30 tháng 08 năm 2017, từ trang 6 đến trang 44 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ Phần chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin nhấn mạnh rằng tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017. Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị khoản mục vốn góp của chủ sở hữu vào thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo số vốn góp đã đủ theo Đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên, biên bản xác định vốn Nhà nước giữa Nhà nước và Tổng Công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Nguyễn Như Phương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2021-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính

Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B01a - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.839.358.226.443	4.559.107.750.059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	100.425.096.468	78.920.807.008
1. Tiền	111		89.653.005.408	77.220.807.008
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.772.091.060	1.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	40.265.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.265.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.414.293.453.257	4.441.034.851.172
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.132.259.306.569	329.560.132.195
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.917.699.727	1.263.623.324
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.387.631.777.066	3.955.795.140.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	889.262.473.209	160.741.343.163
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(9.777.803.314)	(6.325.387.510)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	279.876.781.727	30.398.032.064
1. Hàng tồn kho	141		280.052.224.724	30.398.032.064
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(175.442.997)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.497.894.991	8.754.059.815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14a	731.769.969	48.435.519
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.732.605.631	8.565.341.105
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	33.519.391	140.283.191
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		831.084.520.031	883.649.880.669
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.065.000.000	151.212.270.929
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5c	100.065.000.000	151.212.270.929
II. Tài sản cố định	220		53.460.003.573	56.498.441.056
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	51.030.686.225	53.998.303.080
- Nguyên giá	222		132.086.454.373	131.513.400.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.055.768.148)	(77.515.097.650)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.429.317.348	2.500.137.976
- Nguyên giá	228		3.853.926.876	3.853.926.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.424.609.528)	(1.353.788.900)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.060.174.537	4.429.357.810
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.060.174.537	4.429.357.810
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		657.516.972.195	653.802.829.643
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	281.032.666.942	277.318.524.390
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	376.484.305.253	376.484.305.253
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.982.369.726	17.706.981.231
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14b	15.982.369.726	17.706.981.231
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.670.442.746.474	5.442.757.630.728

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B01a - DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.886.522.355.332	4.655.933.193.077
I. Nợ ngắn hạn	310		4.884.711.302.480	4.651.943.839.101
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	2.627.232.295.094	3.620.270.709.116
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	27.137.553.608	201.127.435.248
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	5.317.668.652	6.417.335.298
4. Phải trả người lao động	314		2.125.933.118	10.172.148.116
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	23.565.595.691	53.544.144.403
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.321.225	2.321.225
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	176.044.033.726	720.409.745.695
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	2.020.513.257.304	40.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.772.644.062	-
II. Nợ dài hạn	330		1.811.052.852	3.989.353.976
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	-	3.548.800.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.811.052.852	440.553.976
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		783.920.391.142	786.824.437.651
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	783.920.391.142	786.824.437.651
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		713.000.000.000	713.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.688.757.761	73.372.556.031
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		41.216.911.969	30.971.741.817
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.471.845.792	42.400.814.214
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		231.633.381	451.881.620
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.670.442.746.474	5.442.757.630.728



Nguyễn Thị Linh
Người lập
Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng





Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B02a - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.691.972.406.847	135.918.165.279
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.691.972.406.847	135.918.165.279
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.661.100.143.669	129.944.499.841
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.872.263.178	5.973.665.438
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	154.363.786.191	11.549.803.729
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	132.031.963.884	697.700.800
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		113.623.589.197	386.431.350
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		3.714.142.552	3.383.736.154
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.501.372.606	3.303.426.704
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.986.860.284	13.690.531.226
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.429.995.147	3.215.546.591
12. Thu nhập khác	31		1.371.009.194	293.874.450
13. Chi phí khác	32		1.179.991.108	(33.253.078)
14. Lợi nhuận khác	40		191.018.086	327.127.528
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.621.013.233	3.542.674.119
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7a	1.998.916.804	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.7b	1.370.498.876	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.251.597.553	3.542.674.119
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		29.471.845.792	3.620.447.673
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(220.248.239)	(77.773.554)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	413	51
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	413	51


Nguyễn Thị Linh
Người lập
Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B03a - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	32.621.013.233	3.542.674.119
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.611.491.126	3.038.595.415
Các khoản dự phòng	03	3.627.858.801	-
(Lãi)/Lỗ CLTG hồi đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ	04	(6.159.427.362)	(464.271.842)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(140.594.120.790)	(14.478.358.950)
Chi phí lãi vay	06	113.623.589.197	386.431.350
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	6.730.404.205	(7.974.929.908)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	199.637.359.154	(299.262.605.275)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(249.654.192.660)	(594.219.960.095)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.884.338.372.866)	1.055.974.205.742
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.041.277.055	792.108.394
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.142.547.977)	(386.431.350)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.441.823.145)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(150.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.941.317.896.234)	154.922.387.508
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(573.053.643)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	10.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(40.265.000.000)	(280.356.698.900)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	9.287.500.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.987.554.671	2.116.951.603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.850.498.972)	(268.942.247.297)
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.330.665.664.374	11.311.171.140
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(350.152.407.070)	(7.902.422.029)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.980.513.257.304	3.408.749.111
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	15.344.862.098	(110.611.110.678)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	78.920.807.008	189.772.793.809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.159.427.362	464.271.842
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	100.425.096.468	79.625.954.973


Nguyễn Thị Linh
Người lập
Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113543 ngày 04 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 400.000.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty được chuyển sang hình thức công ty cổ phần. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức đổi tên thành Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển đổi mô hình sang công ty cổ phần là 713.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty bao gồm:

1. Công ty Giống Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần
2. Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần

Tổng Công ty có một công ty con, chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH 2TV Chipsgood - Vegetexco	Hung Yên	90,00%	90,00%	Sản xuất, chế biến nông sản

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 302 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 246 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi;
- Trồng rừng và khai thác lâm sản khai thác trừ gỗ;

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp;
- Khai thác, nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm, đồ uống, thịt, sản phẩm từ thịt, hàng hóa nông sản;
- Sản xuất, kinh doanh, chế biến hàng nông sản;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa, thủy tinh, vật liệu từ đất sét, máy móc nông nghiệp, máy chế biến thực phẩm;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng rau quả, nông sản phẩm, vật tư thiết bị.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin; và
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các công ty đại chúng quy mô lớn.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, lợi thế thương mại. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành đối với các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê đất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ khi Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức kinh doanh từ mô hình công ty nhà nước sang công ty cổ phần. Lợi thế thương mại phát sinh được phân bổ trong thời gian là 3 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn 10 năm, phần mềm máy vi tính và các tài sản cố định vô hình khác.

Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

Giá trị phần mềm máy vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	10
Phần mềm máy tính	03

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số lợi nhuận lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối lại tại ngày lập báo cáo. Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất và thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ hoạt động được trình bày tại thuyết minh số VII.2

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	755.036.378	75.507.765
Tiền gửi ngân hàng	88.897.969.030	77.145.299.243
Các khoản tương đương tiền (i)	10.772.091.060	1.700.000.000
Cộng	100.425.096.468	78.920.807.008

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất từ 4,3%-4,8%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (i)	40.065.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	200.000.000	-
	40.265.000.000	-

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội có kỳ hạn trên 3 tháng với mức lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,5%/năm.

(ii) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có kỳ hạn 6 tháng với mức lãi suất là 5,3%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ	310.548.982.436	74.267.433.704
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Quang Vinh	275.003.479.560	48.680.754.256
Công ty CP Tập đoàn Tân Long	199.599.778.143	-
Công ty CP Khoáng sản Nghệ An	127.286.600.000	-
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Quốc tế	125.078.790.657	-
Công ty CP đầu tư thương mại An Vinh Phát	50.924.581.680	-
Công ty Cổ phần Hum	36.284.094.213	-
Công ty CP Kinh doanh và Thương mại Thịnh Phát	-	87.529.895.534
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	-	14.201.102.397
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm	-	74.597.587.230
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	26.473.000.000
Các đối tượng khác	7.532.999.880	3.810.359.074
Cộng	1.132.259.306.569	329.560.132.195
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan	310.548.982.436	88.468.536.101
(Xem tại thuyết minh VII.2 - Thông tin các bên liên quan)		

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (i)	2.387.631.777.066	3.495.795.140.000
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ (ii)	-	460.000.000.000
Cộng	2.387.631.777.066	3.955.795.140.000
b. Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.2 - Thông tin các bên liên quan)	2.387.631.777.066	3.955.795.140.000

(i) Khoản tiền cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T theo Hợp đồng hợp tác số 06/2016/RQNS -TT ngày 01/03/2016 và phụ lục ký bổ sung ngày 01/01/2017 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T được phép sử dụng một phần vốn nhân rồi của Tổng Công ty theo điều khoản thỏa thuận trên Hợp đồng. Lãi áp dụng theo từng thời điểm nhận nợ.

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	1.761.326.098	940.573.673
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	14.709.420.000	28.330.523.690
Phải thu ngắn hạn khác	872.791.727.111	131.470.245.800
Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn (Phải thu về hoạt động phục vụ dự trữ quốc gia)	1.347.587.982	384.505.068
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (i)	819.764.991.495	89.584.617.236
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	6.318.151.527	7.590.000.000
Phải thu về cổ tức	8.179.964.526	10.905.244.526
Các đối tượng khác	37.181.031.581	23.005.878.970
Cộng	889.262.473.209	160.741.343.163
b. Phải thu khác là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.2 - Thông tin các bên liên quan)	830.906.947.287	104.723.701.501
c. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược ký quỹ dài hạn	75.000.000	151.212.270.929
Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp (ii)	99.990.000.000	-
Cộng	100.065.000.000	151.212.270.929

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác (tiếp theo)

(i) Đây là các khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng:

- Khoản lãi cho vay tương ứng của Hợp đồng hợp tác số 06/2016/RQNS -TT ngày 01/03/2016 và phụ lục hợp đồng gia hạn ngày 01/01/2017 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Tổng giá trị lãi cho vay là 119.764.991.495 đồng. Lãi áp dụng theo từng thời điểm nhận nợ.
 - Khoản phải thu của Hợp đồng hợp tác kinh doanh 01012017/TT-VEG/120DC giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T ngày 01/01/2017 về việc hai bên cùng góp vốn đầu tư thực hiện "Dự án tòa nhà thương mại, dịch vụ văn phòng cho thuê và nhà ở 120 Định Công" có địa chỉ tại số 120 phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Tổng số vốn mà Tổng Công ty thực hiện góp cho dự án này là 500.000.000.000 đồng chẵn. Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T góp 350.000.000.000 đồng chẵn. Kết thúc dự án, hai bên sẽ phân chia lại lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp thực tế phát sinh.
 - Khoản phải thu của Hợp đồng hợp tác kinh doanh 02012017/TT-VEG/120DC giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T ngày 01/01/2017 về việc hai bên cùng góp vốn đầu tư thực hiện "Dự án tổ hợp thương mại và văn phòng 273 Tây Sơn" có địa chỉ tại số 273 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tổng số vốn mà Tổng Công ty thực hiện góp cho dự án này là 200.000.000.000 đồng chẵn. Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T góp 2.235.000.000.000 đồng chẵn. Kết thúc dự án, hai bên sẽ phân chia lại lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp thực tế phát sinh.
- (ii) Theo hợp đồng số 01/2017/Vigecam-Vegetexco ngày 07/06/2017 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty TNHH MTV, Tổng Công ty thực hiện chuyển tiền đặt cọc về việc mua 9.900.000 cổ phần khi Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty TNHH MTV cổ phần hóa với giá mua là 10.100 đồng/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. Nợ xấu	30/06/2017		01/01/2017			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nhà máy Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Bắc Giang	898.008.849	898.008.849	-	898.008.849	898.008.849	-
Công ty TNHH Hương Anh	479.948.299	479.948.299	-	479.948.299	479.948.299	-
Công ty Liên Doanh LUVÉCO	1.370.244.949	1.370.244.949	-	1.370.244.949	1.370.244.949	-
Công ty TNHH Lê Quốc	234.029.172	234.029.172	-	234.029.172	234.029.172	-
Công ty Cổ phần thực phẩm Xuất khẩu Hưng Yên	572.549.294	572.549.294	-	572.549.294	572.549.294	-
Công ty TNHH Việt Nga	478.336.693	478.336.693	-	478.336.693	478.336.693	-
Công ty TNHH Thành Yên	588.012.703	588.012.703	-	588.012.703	588.012.703	-
Công ty TNHH Nông Sản và Thực phẩm Hà Nội	474.340.580	474.340.580	-	474.340.580	474.340.580	-
Chesapeake Imports I.L.C	3.748.659.854	3.748.659.854	-	-	-	-
Các đối tượng khác	933.672.921	933.672.921	-	1.229.916.971	1.229.916.971	-
Cộng	9.777.803.314	9.777.803.314	-	6.325.387.510	6.325.387.510	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B09a - DN/HN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. Hàng tồn kho	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.257.961.571	(175.442.997)	13.232.917.015	-
Công cụ, dụng cụ	1.313.654.457	-	1.305.376.675	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.065.744.220	-	4.405.426.912	-
Thành phẩm	6.509.663.381	-	2.565.561.297	-
Hàng hoá	232.905.201.095	-	8.888.750.165	-
Cộng	280.052.224.724	(175.442.997)	30.398.032.064	-

8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước	30/06/2017		Số phải nộp trong kỳ VND		Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ VND		01/01/2017 VND
	30/06/2017 VND						
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước							
Thuế giá trị gia tăng	33.519.391	15.709.824	15.709.824	33.519.391	15.709.824	15.709.824	
Thuế nhà thầu	-	102.856.063	102.856.063	-	102.856.063	102.856.063	
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.130.959.535	1.130.959.535	1.109.242.231	21.717.304	21.717.304	
Cộng	33.519.391	1.249.525.422	1.249.525.422	1.142.761.622	140.283.191	140.283.191	
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước							
Thuế giá trị gia tăng	-	685.384.888	685.384.888	699.579.805	14.194.917	14.194.917	
Thuế TNDN	1.718.576.210	1.998.916.804	1.998.916.804	3.441.823.145	3.161.482.551	3.161.482.551	
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.090.316.088	15.090.316.088	15.090.316.088	-	-	
Thuế thu nhập cá nhân	192.977.465	681.908.465	681.908.465	519.722.666	30.791.666	30.791.666	
Tiền thuế đất	-	2.300.534.732	2.300.534.732	2.300.534.732	-	-	
Các loại phí, lệ phí, phải nộp NSNN khác	3.406.114.977	269.700.598	269.700.598	74.451.785	3.210.866.164	3.210.866.164	
Cộng	5.317.668.652	21.026.761.575	21.026.761.575	22.126.428.221	6.417.335.298	6.417.335.298	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MÃ SỐ B09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	93.876.279.468	29.580.527.647	7.004.421.798	1.052.171.817	131.513.400.730
Mua trong kỳ	538.508.643	34.545.000	-	-	573.053.643
Số dư tại 30/06/2017	94.414.788.111	29.615.072.647	7.004.421.798	1.052.171.817	132.086.454.373
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	55.972.726.276	16.347.564.410	4.507.598.931	687.208.033	77.515.097.650
Khấu hao trong kỳ	1.935.882.875	1.241.557.496	285.350.655	77.879.472	3.540.670.498
Số dư tại 30/06/2017	57.908.609.151	17.589.121.906	4.792.949.586	765.087.505	81.055.768.148
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2017	37.903.553.192	13.232.963.237	2.496.822.867	364.963.784	53.998.303.080
Số dư tại 30/06/2017	36.506.178.960	12.025.950.741	2.211.472.212	287.084.312	51.030.686.225

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng là 5.725.215.291 đồng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017. (Tại ngày 01/01/2017 là 3.957.043.030 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất có thời hạn		Phần mềm		Tổng cộng
	VND		VND		
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2017	3.423.426.876		430.500.000		3.853.926.876
Số dư tại ngày 30/06/2017	3.423.426.876		430.500.000		3.853.926.876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2017	974.622.231		379.166.669		1.353.788.900
Khấu hao trong kỳ	42.820.628		28.000.000		70.820.628
Số dư tại ngày 30/06/2017	1.017.442.859		407.166.669		1.424.609.528
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại ngày 01/01/2017	2.448.804.645		51.333.331		2.500.137.976
Số dư tại ngày 30/06/2017	2.405.984.017		23.333.331		2.429.317.348

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng là 274.734.982 đồng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017. (Tại ngày 01/01/2017 là 274.734.982 đồng)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công trình số 58 Lý Thái Tổ	3.888.548.810	3.888.548.810
Công trình số 2 Phạm Ngọc Thạch	171.625.727	171.625.727
Công trình kho Thường Tín	-	369.183.273
Cộng	4.060.174.537	4.429.357.810

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Các khoản điều chỉnh tăng/giảm giá trị khoản đầu tư trong kỳ										
	Giá gốc của khoản đầu tư	Giá trị ghi số lũy kế tại thời điểm đầu kỳ	Giá trị ghi số lũy kế tại thời điểm cuối kỳ	Điều chỉnh lãi/(lỗ) giá trị nhận được đầu kỳ	Điều chỉnh	Giá trị ghi số lũy kế tại thời điểm cuối kỳ	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban đầu hành	Cổ tức được chia nhận được trong kỳ	Các khoản điều chỉnh tăng/giảm giá trị khoản đầu tư trong kỳ	VND	VND
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu	3.188.457.664	6.335.328.368	1.165.414.247	-	-	7.500.742.615	-	-	-	-	-
Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower	54.877.127.996	63.631.619.798	6.937.011.008	-	-	70.568.630.806	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	58.981.600.000	81.169.630.020	4.533.249.090	(4.123.061.775)	(1.261.179.465)	80.318.637.870	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả	9.433.351.517	9.461.458.021	-	-	(712.534.363)	8.748.923.658	-	-	-	-	
Công ty Liên doanh TNHH TOVECAN	27.719.562.751	28.231.523.054	56.119.928	-	-	28.287.642.982	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VI.XD	1.155.755.413	1.155.755.413	103.740.633	-	-	1.259.496.046	-	-	-	-	
Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	4.506.659.196	3.684.566.909	(406.666.055)	-	-	3.277.900.854	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Thực phẩm XK Tân Bình	20.152.093.367	21.804.383.127	1.652.289.761	(1.652.289.762)	-	21.804.383.126	-	-	-	-	
Công ty Cổ phần Cảng Rau quả	57.765.780.000	61.844.259.680	289.005.633	-	(2.866.956.328)	59.266.308.985	-	-	-	-	
Tổng cộng	237.780.387.904	277.318.524.390	14.330.164.245	(5.775.351.537)	(1.973.713.828)	281.032.666.942	(2.866.956.328)	(1.973.713.828)	(2.866.956.328)	(2.866.956.328)	

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm XK Tân Bình	TP. HCM	20,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
2	Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	Thanh Hóa	21,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
3	Công ty Hợp tác TOVECAN (Tovecan Corporation Limited)	TP. HCM	22,64%	Sản xuất vỏ hộp sắt
4	Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtown	Đông Nai	32,36%	Sản xuất kinh doanh nước giải khát trái cây
5	Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu	Hà Nội	35,00%	Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư nông sản
6	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD	Hà Nội	36,00%	Xây dựng, vật liệu xây dựng
7	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	TP. HCM	39,13%	Sản xuất kinh doanh bao bì hộp sắt
8	Công ty Cổ phần XNK Rau Quả SG	TP. HCM	45,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
9	Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả	TP. HCM	38,43%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm

STT	Đối tượng	Tình hình kinh doanh kỳ này
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm XK Tân Bình	Hoạt động kinh doanh có lãi
2	Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Hợp tác TOVECAN (Tovecan Corporation Limited)	Hoạt động kinh doanh có lãi
4	Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtown	Hoạt động kinh doanh có lãi
5	Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu	Hoạt động kinh doanh có lãi
6	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD	Hoạt động kinh doanh có lãi
7	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	Hoạt động kinh doanh có lãi
8	Công ty Cổ phần XNK Rau Quả	Hoạt động kinh doanh có lãi
9	Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả	Hoạt động kinh doanh lỗ

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:

	30/06/2017		01/01/2017			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Rau quả Tiên Giang	200.000	3.125.003.792	-	200.000	3.125.003.792	-
Công ty CP TPXK Đồng Giao	400.000	6.861.472.869	-	400.000	6.861.472.869	-
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	174.880	80.421.436.800	-	174.880	80.421.436.800	-
Công ty CP VIAN	11.892	1.891.647.209	-	11.892	1.891.647.209	-
Công ty CP XNK Nông Lâm Sản Chế biến	112.949	2.430.117.352	-	112.949	2.430.117.352	-
Công ty CP XNK RQ Hải Phòng	18.710.400	1.397.928.331	-	18.710.400	1.397.928.331	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (i)		280.356.698.900	-		280.356.698.900	-
Cộng		376.484.305.253			376.484.305.253	

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2017:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu/Ti lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Rau quả Tiên Giang	Tiên Giang	10,00%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp, đóng lạnh
2	Công ty CP TPXK Đồng Giao	Ninh Bình	10,00%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp, đóng lạnh
3	Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	Hà Nội	14,40%	Sản xuất lon nhôm
4	Công ty Cổ phần VIAN	Hà Nội	14,57%	Sản xuất, kinh doanh nước quả đóng hộp
5	Công ty CP XNK Nông Lâm Sản Chế biến	Hà Nội	16,52%	Sản xuất kinh doanh nông lâm sản, giống cây
6	Công ty CP XNK RQ Hải Phòng	Hải Phòng	18,83%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
7	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (i)	Ninh Bình	36,10%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp đông lạnh

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

(i) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà bằng việc thực hiện mua cổ phần theo Quyết định về việc ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà và hợp đồng chuyển nhượng vốn số 02/HĐCNCP/VH-VEGETEXCO ngày 17/03/2016. Theo đó, Tổng Công ty nắm giữ 27.758.089 cổ phần tương ứng với 36,10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là công ty cổ phần, do vậy, số cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà đang trình bày tại chi tiêu “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.

(*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30/06/2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các công ty nêu trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 30/06/2017 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC.

14. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ dụng cụ xuất dùng
Cộng

30/06/2017	01/01/2017
VND	VND
731.769.969	48.435.519
731.769.969	48.435.519

b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê đất
Lợi thế thương mại (i)
Công cụ dụng cụ xuất dùng
Cộng

13.376.489.582	13.559.729.166
2.243.269.190	2.991.025.586
362.610.954	1.156.226.479
15.982.369.726	17.706.981.231

(i) Lợi thế thương mại được ghi nhận khi Tổng Công ty chuyển đổi hoạt động từ loại hình doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian là 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Hoàn Kiếm	1.013.145.789.039	1.013.145.789.039	622.975.906.280	622.975.906.280
Công ty Cổ phần Càng Rau quả	399.925.203.900	399.925.203.900	-	-
Công ty TNHH SX, TM và Dịch vụ Tân Mai	305.352.547.500	305.352.547.500	-	-
Cty CP TM và Đầu Tư TIC Hà Nội	160.671.183.420	160.671.183.420	-	-
Công ty CP Logistics Hồng Kông	25.683.944.320	25.683.944.320	-	-
Công ty CP XNK Nông Lâm Sản Chế Biến	4.731.580.000	4.731.580.000	-	-
Công ty CP CBot Việt Nam	2.328.000.000	2.328.000.000	-	-
Marubeni Grain (i)	428.946.814.742	428.946.814.742	417.991.387.265	417.991.387.265
Posco Daewoo Corporation (i)	283.740.840.900	283.740.840.900	150.081.038.100	150.081.038.100
PT.Charoen Pokphand Indonesia	-	-	462.256.407.000	462.256.407.000
PT Japfa Comfeed Indonesia TBK	-	-	367.487.904.720	367.487.904.720
Midstar	-	-	321.885.960.000	321.885.960.000
CHS Eeurope Sarl	-	-	736.447.632.990	736.447.632.990
Ulusoy Un Sanayi Ve Ticaret A.S	-	-	220.749.637.500	220.749.637.500
Engelhart	-	-	212.497.501.566	212.497.501.566
Phải trả người bán khác	2.706.391.273	2.706.391.273	107.897.333.695	107.897.333.695
Cộng	2.627.232.295.094	2.627.232.295.094	3.620.270.709.116	3.620.270.709.116
b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan <i>(Xem tại</i>	399.925.203.900	399.925.203.900	-	-
<i>Thuyết minh VII.2)</i>				

(i) Công ty thực hiện mở UPAS trả chậm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) để thực hiện thanh toán trả chậm cho các đơn hàng mua nhập khẩu. Thời gian trả chậm từ 5 đến 8 tháng tùy từng UPAS phát sinh. Phí UPAS áp dụng là từ 2,93% đến 3,36%. Toàn bộ gốc và phí phát sinh được thanh toán 1 lần khi đến hạn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hum	-	173.785.983.080
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Quốc tế	27.096.732.168	27.096.732.168
Công ty Cổ phần WII.SON Việt Nam	-	234.320.000
Các đối tượng khác	40.821.440	10.400.000
Cộng	27.137.553.608	201.127.435.248

Công ty Cổ phần Hum
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Quốc tế
Công ty Cổ phần WII.SON Việt Nam
Các đối tượng khác

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay trích trước	11.102.500.022	8.547.340.277
Trích trước phí UPAS	12.408.556.669	44.381.361.547
Chi phí bốc xếp hàng	-	82.741.519
Chi phí khác	54.539.000	532.701.060
Cộng	23.565.595.691	53.544.144.403

Chi phí lãi vay trích trước
Trích trước phí UPAS
Chi phí bốc xếp hàng
Chi phí khác

**TÔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

MẪU SỐ B09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRINH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác	30/06/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
a. Phải trả ngắn hạn khác	176.044.033.726	720.409.745.695		
+ Kinh phí công đoàn	46.788.888	70.115.638		
+ Bảo hiểm xã hội	2.000	-		
+ Phải trả tiền cô phần hóa	9.417.885.385	9.417.885.385		
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	166.579.357.453	710.921.744.672		
Phải trả về cửa hàng rau sạch	-	-		
Phải trả tiền dự (trữ) quốc gia	44.685.000	44.685.000		
Công ty TNHH MTV Gia Bảo Việt	-	484.125.000.000		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	-	191.646.298.900		
Công ty CP XNK Thù công Mỹ Nghệ (i)	28.483.417.527	13.259.620.027		
Công ty CP đầu tư tài chính Quốc Tế (i)	32.319.995.598	13.544.217.620		
Công ty CP Đầu tư KD&TM Quang Vinh (i)	2.312.887.841	-		
Cty CP Kinh doanh và TM Thịnh Phát (i)	2.682.150.000	-		
Công ty CP Đầu tư Hoàn Kiếm (i)	48.881.057.578	5.223.534.948		
Cty CP và TM đầu tư TIC Hà Nội (i)	3.683.045.723	-		
Công ty Cổ phần Cảng rau quả (i)	3.972.825.151	-		
Ông Nguyễn Phú Quân	1.700.000.000	-		
Phải trả tiền cô tức	29.233.000.000	-		
Các khoản phải trả khác	13.266.293.035	3.078.388.177		
b. Phải trả dài hạn khác	-	3.548.800.000		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	3.548.800.000		
Cộng	176.044.033.726	723.958.545.695		
c. Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan	45.611.092.678	204.905.918.927		

(Xem tại thuyết minh VII.2)

(i) Đây là những khoản phải trả tiền lãi tương ứng với những hợp đồng vay nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh nông sản..

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

MÀU SÓ B09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn				
a. Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội- Chi nhánh Bình Dương (i)	15.292.011.560	15.292.011.560	38.044.418.630	22.752.407.070
	15.292.011.560	15.292.011.560	38.044.418.630	22.752.407.070
Vay tổ chức khác				
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ (ii)	1.965.221.245.744	1.965.221.245.744	2.292.621.245.744	327.400.000.000
	708.652.000.000	708.652.000.000	708.652.000.000	-
Công ty CP Dầu tư tài chính Quốc Tế (iii)	644.750.000.000	644.750.000.000	644.750.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gia Bảo Việt (iv)	505.000.000.000	505.000.000.000	505.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư KD&TM Quang Vinh (v)	97.819.245.744	97.819.245.744	252.719.245.744	154.900.000.000
Công ty CP Kinh doanh và TM Thịnh Phát (vi)	9.000.000.000	9.000.000.000	181.500.000.000	172.500.000.000
Vay cá nhân (vii)				
Nguyễn Ngọc Nghị	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Nguyễn Tất Hiếu	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Nguyễn Phú Quân	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Vũ Ngọc Tuấn	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Cộng	2.020.513.257.304	2.020.513.257.304	2.330.665.664.374	350.152.407.070
b. Vay ngắn hạn là các bên liên quan <i>(Xem tại thuyết minh số VII.2)</i>	708.652.000.000	708.652.000.000	-	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

- (i) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 28/2016/HDHM-PN/SHB.130200 ngày 5/12/2016 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Bình Dương, Tổng hạn mức là 131 tỷ đồng chẵn. Tiền vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời gian cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 5/12/2016. Thời hạn vay không quá 6 tháng đối với các phương án chế biến, xuất khẩu điều nhân, không quá 3 tháng đối với phương án kinh doanh thương mại điều nhân. Lãi suất theo quy định của ngân hàng, cụ thể theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ các LC, hợp đồng xuất khẩu.
- (ii) Khoản vay thực hiện cho hợp đồng hợp tác số 01/2017/HĐHT/ART-VEG ngày 10/03/2017 giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ về việc thực hiện đầu tư kinh doanh nông sản với các mặt hàng như lúa mỳ, ngô hạt, khô đậu phụ tương... Thời gian vay từ 6 đến 12 tháng. Lãi suất tối thiểu là 9%/năm trên tổng mức vốn vay.
- (iii) Khoản vay thực hiện cho hợp đồng hợp tác số 01/2017/HĐHT/VEG-IFC ngày 10/03/2017 giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Quốc tế về việc thực hiện đầu tư kinh doanh nông sản với các mặt hàng như lúa mỳ, ngô hạt, khô đậu phụ tương... Thời gian vay từ 6 đến 12 tháng. Lãi suất tối thiểu là 9%/năm trên tổng mức vốn vay.
- (iv) Khoản vay thực hiện cho hợp đồng hợp tác số 01-2017/HITK/D/VEG-GBV ngày 30/03/2017 giữa Công ty TNHH MTV Gia Bảo Việt và Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần về việc thực hiện đầu tư kinh doanh nông sản với các mặt hàng như lúa mỳ, ngô hạt, khô đậu phụ tương... Thời gian vay là 6 tháng. Lãi suất tối thiểu là 9%/năm trên tổng mức vốn vay.
- (v) Khoản vay thực hiện cho hợp đồng hợp tác số 01/2017/HĐHT/QV-VEG ngày 06/03/2017 giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Quang Vinh về việc thực hiện đầu tư kinh doanh nông sản với các mặt hàng như lúa mỳ, ngô hạt, khô đậu phụ tương... Thời gian vay là 6 tháng. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tại thời điểm vay.
- (vi) Khoản vay thực hiện cho hợp đồng hợp tác số 01/2017/HĐHT/TP-VEG ngày 06/03/2017 giữa Tổng công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Thịnh Phát về việc thực hiện đầu tư kinh doanh nông sản với các mặt hàng như lúa mỳ, ngô hạt, khô đậu phụ tương... Thời gian vay là 6 tháng. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội tại thời điểm vay.
- (vii) Các khoản vay các nhân có thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay là 8,5%/năm.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09a - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. Vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá của tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 04/01/2016	633.738.138.626	22.421.127.209	16.323.004.781	35.277.501.803	186.517.990	605.290.241	708.551.580.650							
Vốn góp tăng trong kỳ	79.261.861.374	(22.421.127.209)	(16.323.004.781)	-	(186.517.990)	-	40.331.211.394							
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	42.400.814.214	-	-	42.247.405.593							
Giảm do thu tiền cổ tức năm 2015 đã ghi nhận	-	-	-	(4.305.759.986)	-	-	(4.305.759.986)							
Số dư tại ngày 31/12/2016 (i)	713.000.000.000	-	-	73.372.556.031	-	451.881.620	786.824.437.651							
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	29.471.845.792	-	(220.248.239)	29.251.597.553							
Chia cổ tức ở Công ty mẹ (ii)	-	-	-	(29.233.000.000)	-	-	(29.233.000.000)							
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; chi thường năng suất (ii)	-	-	-	(2.922.644.062)	-	-	(2.922.644.062)							
Số dư tại ngày 30/06/2017 (i)	713.000.000.000	-	-	70.688.757.761	-	231.633.381	783.920.391.142							

(i) Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị khoản mục vốn góp của chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Tuy nhiên, biên bản xác định vốn với Nhà nước của Tổng công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Trong kỳ báo cáo này, Tổng Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-RQNS-DHĐCĐ ngày 27/06/2017. Theo đó:

- Chia cổ tức 4,1% trên vốn chủ sở hữu tương ứng giá trị là 29.233.000.000 đồng.
- Trích quỹ phúc lợi 5% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tương ứng giá trị là 1.672.644.062 đồng.
- Trích khen thưởng vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh với giá trị là 1.250.000.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

20. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	24.955.000	35,00%
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	15.802.409	22,16%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	10.695.000	15,00%
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	8.717.691	12,23%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	7.130.000	10,00%
Các cổ đông khác	3.999.900	5,61%
Tổng cộng	71.300.000	100%

b. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	71.300.000	71.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

21. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có ít rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ gồm hai hoạt động: hoạt động trồng hoa để bán và hoạt động thương mại bán các sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động trồng hoa để bán chưa chiếm đến 10% doanh thu phát sinh và lợi nhuận trong kỳ. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Văn phòng Tổng Công ty và Công ty Giống Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần có trụ sở đặt tại số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có một đơn vị trực thuộc là Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco tại tỉnh Bình Phước. Tổng Công ty trình bày báo cáo theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần về bán hàng và giá trị còn lại của các tài sản bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa dịch vụ:

Khu vực	Doanh thu thuần về bán hàng	Tài sản bộ phận	Cộng
Khu vực Hà Nội	2.626.720.721.811	5.536.608.439.329	8.163.329.161.140
Khu vực Bình Phước	65.251.685.036	83.334.151.537	148.585.836.573
Khu vực Hưng Yên	-	8.972.647.944	8.972.647.944
Cộng	2.691.972.406.847	5.628.915.238.810	8.320.887.645.657

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016 VND
a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.685.704.118.134	135.918.165.279
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	4.018.181.818	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.250.106.895	-
Cộng	2.691.972.406.847	135.918.165.279
b. Doanh thu bán hàng là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.2)	1.091.404.450.760	34.230.000.000

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.657.094.268.950	129.944.499.841
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	3.027.392.330	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng	978.482.389	-
Cộng	2.661.100.143.669	129.944.499.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	126.331.901.448	1.716.951.603
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.262.274.671	4.138.353.333
Chênh lệch tỉ giá phát sinh trong kỳ	12.883.302.289	474.490.764
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	5.220.008.029
Lãi phạt khách hàng chậm thanh toán	886.307.783	-
Cộng	154.363.786.191	11.549.803.729

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	113.623.589.197	386.431.350
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại tại thời điểm cuối kỳ	6.159.427.362	-
Chênh lệch tỉ giá phát sinh trong kỳ	614.835.100	307.047.949
Chi phí UPAS trả chậm	11.634.112.225	-
Chi phí khác	-	4.221.501
Cộng	132.031.963.884	697.700.800

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.471.939.699	1.433.855.679
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	370.515.984	-
Chi phí khấu hao	-	704.599.234
Chi phí mua ngoài	38.594.000	672.650.621
Chi phí bằng tiền khác	620.322.923	492.321.170
Cộng	2.501.372.606	3.303.426.704

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.796.520.547	3.969.731.940
Chi phí vật liệu quản lý	-	1.956.604.473
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.125.019.230	54.343.476
Chi phí khấu hao	1.621.010.185	1.678.040.795
Thuế, phí, lệ phí	2.910.173.600	-
Trích lập dự phòng phải thu	3.627.858.801	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	5.906.277.921	6.031.810.542
Cộng	21.986.860.284	13.690.531.226

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. Chi phí thuế TNDN

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016 VND
a. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.998.916.804	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty mẹ	1.998.916.804	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty con	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.998.916.804	-
b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản trích lập dự phòng công ty con, công ty liên kết	1.370.498.876	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.370.498.876	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.471.845.792	3.620.447.673
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.471.845.792	3.620.447.673
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	71.300.000	71.300.000
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	71.300.000	71.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	413	51
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	413	51

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	78.092.772.457	51.878.760.634
Chi phí nhân công	10.892.240.785	8.729.228.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.611.491.126	3.038.595.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.069.446.653	107.938.208.270
Chi phí khác bằng tiền	8.481.138.874	6.124.633.880
Cộng	108.147.089.895	177.709.426.536

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phân vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	2.020.513.257.304	40.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	100.425.096.468	78.920.807.008
Nợ thuần	1.920.088.160.836	-
Vốn chủ sở hữu	783.920.391.142	786.824.437.651
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	244,93%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu".

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.425.096.468	78.920.807.008
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.497.679.427.432	4.438.830.654.175
Đầu tư ngắn hạn	40.265.000.000	-
Đầu tư dài hạn	376.484.305.253	376.484.305.253
Cộng	5.014.853.829.153	4.894.235.766.436
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	2.020.513.257.304	40.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	2.805.087.381.672	4.344.669.808.787
Chi phí phải trả	23.565.595.691	53.544.144.403
Cộng	4.849.166.234.667	4.438.213.953.190

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế..

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

I. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.425.096.468	-	100.425.096.468
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.397.614.427.432	100.065.000.000	4.497.679.427.432
Đầu tư dài hạn	-	376.484.305.253	376.484.305.253
Đầu tư ngắn hạn	40.265.000.000	-	40.265.000.000
Cộng	4.538.304.523.900	476.549.305.253	5.014.853.829.153
Tại 30/06/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.803.276.328.820	-	2.805.087.381.672
Chi phí phải trả	23.565.595.691	-	23.565.595.691
Các khoản vay	2.020.513.257.304	-	2.020.513.257.304
Cộng	4.847.355.181.815	-	4.849.166.234.667
Chênh lệch thanh khoản thuần	(309.050.657.915)	476.549.305.253	165.687.594.486

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MÃU SỐ B09a – DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.920.807.008	-	78.920.807.008
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.287.618.383.246	151.212.270.929	4.438.830.654.175
Đầu tư dài hạn	-	376.484.305.253	376.484.305.253
Cộng	4.366.539.190.254	527.696.576.182	4.894.235.766.436
Tại 01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.340.680.454.811	3.548.800.000	4.344.669.808.787
Chi phí phải trả	53.544.144.403	-	53.544.144.403
Các khoản vay	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Cộng	4.434.224.599.214	3.548.800.000	4.438.213.953.190
Chênh lệch thanh khoản thuần	(67.685.408.960)	524.147.776.182	456.021.813.246

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*Danh sách các bên liên quan:***Bên liên quan**

Công ty CP Thực phẩm Xuất Khẩu Tân Bình
 Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá
 Công ty Hợp sắt TOVECAN (Tovecan Corporation Limited)
 Công ty CP Sản xuất & Dịch vụ XNK rau quả Sài Gòn
 CTCP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower
 Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu
 Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng
 Công ty CP Cảng Rau Quả Sài Gòn
 Công ty CP in và bao bì Mỹ Châu
 Công ty CP XNK Rau Quả SG
 Công ty TNHH T&T Hưng Yên
 Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ công Mỹ Nghệ
 Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Cùng chủ sở hữu
 Chủ sở hữu
 Chủ sở hữu

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	310.548.982.436	88.468.536.101
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	-	14.201.102.397
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	310.548.982.436	74.267.433.704
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.387.631.777.066	3.955.795.140.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	2.387.631.777.066	3.495.795.140.000
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	-	460.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	830.906.947.287	104.723.701.501
Công ty Cổ phần tập đoàn T&T	819.764.991.495	89.584.617.236
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	6.318.151.527	7.590.000.000
Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu	4.128.712.000	4.128.712.000
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu	695.092.265	895.092.265
Công ty CP Càng rau quả	-	2.525.280.000
Phải trả người bán ngắn hạn	399.925.203.900	-
Công ty Cổ phần Càng Rau quả	399.925.203.900	-
Phải trả ngắn hạn khác	45.611.092.678	204.905.918.927
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	10.231.550.000	191.646.298.900
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ	31.406.717.527	13.259.620.027
Công ty CP Càng rau quả	3.972.825.151	-
Vay và nợ ngắn hạn	708.652.000.000	-
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	708.652.000.000	-
		Từ 01/01/2017
		đến 30/06/2017
		VND
Doanh thu bán hàng		1.091.404.450.760
Công ty TNHH T&T Hưng Yên		150.009.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ		941.395.450.760
Thu tiền bán hàng		869.315.004.425
Công ty TNHH T&T Hưng Yên		164.201.102.397
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ		705.113.902.028
Cổ tức được chia		14.262.274.671
Công ty Cổ phần Thực phẩm XNK Tân Bình		1.652.289.762
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội		12.609.984.909
Cổ tức đã nhận bằng tiền		14.262.274.671
Công ty Cổ phần Thực phẩm XNK Tân Bình		1.652.289.762
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội		12.609.984.909
Thu hồi tiền cho vay		1.854.365.382.764
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T		1.394.365.382.764
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ		460.000.000.000

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 04/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc được hưởng Cộng	<u>1.318.664.657</u>	<u>679.433.335</u>
	<u>1.318.664.657</u>	<u>679.433.335</u>

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tại thuyết minh số V.6 - *Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác*, giá trị khoản đầu tư vào Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp là 99.990.000.000 đồng. Tại ngày 14/08/2017, Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp đã chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy phép Đăng ký doanh nghiệp số 0100104468 thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 08 năm 2017 với tên giao dịch là Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp - Công ty Cổ phần với số lượng cổ phần đăng ký phát hành là 22.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Do đó Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp - Công ty Cổ phần sẽ trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 14 tháng 08 năm 2017 với tỷ lệ vốn góp là 45,45%.

Tại thuyết minh số V.13 - *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*, giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Rau quả là 57.765.780.000 đồng tương ứng 38,43% tỷ lệ sở hữu. Tại ngày 30 tháng 07 năm 2017, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty vẫn là 38,43%, tuy nhiên tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty là 66,67% (tương ứng với 2/3 thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Rau quả là người đại diện phần vốn của Tổng Công ty, đồng thời Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Cảng Rau quả đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty). Do đó, Tổng Công ty sẽ trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cảng Rau quả bắt đầu từ ngày 30 tháng 07 năm 2017 với tỷ lệ sở hữu là 38,43%, tỷ lệ biểu quyết là 66,67%.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được soát xét.



Nguyễn Thị Linh
Người lập
Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Văn phòng chính Hà Nội:

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex,
Số 1 Nguyễn Huy Tưởng
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: (024) 666 42 777 | Fax: (024) 666 43 777
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

Head Office:

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex,
No 1 Nguyen Huy Tuong Street,
Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.
Tel: (84) 24 666 42 777 | Fax: (84) 24 666 43 777
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng:

Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
ĐT: (0225) 3797 268 / (0225) 8670 688
Fax: (0225) 3797 268
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

No. 4, Nguyen Trai Street, May To Ward
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: (84) 225 3797 268 / 225 8670 688
Fax: (84) 225 3797 268
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 3 547 2323 | Fax: (028) 3 547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

5th Floor, Hai Au TIC Building, Le Loi Boulevard, Dong Huong Ward,
4 Ward, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: (84) 28 3547 2323 | Fax: (84) 28 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Thanh Hóa:

Tầng 9, Tòa nhà Viettel, Đại lộ Lê Lợi,
P. Đông Hương, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
ĐT: (0237) 3758.959 | Fax: (0237) 3758.959
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn

Branch in Thanh Hoa City:

9th Floor, Viettel Building, Le Loi Boulevard, Dong Huong Ward,
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
Tel: (84) 237 3758.959 | Fax: (84) 237 3758.959
Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn